

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Quỹ đầu tư giá trị MB Capital

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16 - 17
Báo cáo tình hình tài chính	18 - 19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ mở	20
Báo cáo danh mục đầu tư	21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính	24 - 54

118
CÔNG
TH
ST
IỆ
HI
HÀ
KI

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2016.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 76.871.856.000 VND, tương đương với 7.687.185,60 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 50.395.121.700 VND, tương đương với 5.039.512,17 chứng chỉ quỹ).

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban đại diện của Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lương Văn Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015
Ông Hiroshi Hiramoto	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Hải Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Khổng Phan Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2016
Bà Lê Hoàng Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Như Linh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2016
Ông Đoàn Phong Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban đại diện Quỹ, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, tình hình đầu tư và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Thay mặt Ban đại diện Quỹ:



Ông Lương Văn Trung
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 13,11% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

1.3.1 Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ sẽ sử dụng mô hình và chiến lược đầu tư giá trị, theo đó:

- ▶ Quỹ sẽ nhắm tới các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn, có chính sách và có khả năng chi trả cổ tức tốt, có thị giá thấp hơn nhiều so với giá trị định giá theo các mô hình định lượng cơ bản;
- ▶ Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục với mục tiêu tối ưu hóa tỷ suất cổ tức kỳ vọng trên thị giá của toàn danh mục;
- ▶ Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư.

1.3.2 Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào nhưng không giới hạn ở những ngành nghề sau với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- | | |
|---------------------------------|------------------------------|
| - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính | - Hàng tiêu dùng |
| - Thực phẩm - Nước giải khát | - Bảo hiểm |
| - Vật liệu - Khai khoáng | - Hàng hóa công nghiệp |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản | - Dược phẩm |
| - Tiện ích công cộng | - Vận tải |
| - Năng lượng | - Dịch vụ |
| - Bán lẻ | - Dệt may- Thiết bị phụ tùng |

1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- ▶ Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- ▶ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- ▶ Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư (tiếp theo)

- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

1.4 Phân loại Quỹ: Quỹ mở

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Chiến lược đầu tư của Quỹ tập trung đầu tư vào thị trường cổ phiếu, trong đó chú trọng vào cơ hội đầu tư giá trị, có mức độ rủi ro trung bình. Bên cạnh đó, rủi ro của danh mục đầu tư sẽ được giảm thiểu bằng việc phân bổ danh mục đa dạng phù hợp với chiến lược đầu tư của quỹ. Đây là ưu điểm so với các khoản vốn nhỏ, lẻ không thể đa dạng hóa danh mục được.

1.7 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 76.871.856.000 VND, tương đương với 7.687.185,60 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 95.219.987.687 VND.

1.8 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

1.9 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ:

Trong năm quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Danh mục chứng khoán	51,36%	49,65%	51,76%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	43,93%	49,31%	0,55%
Các tài sản khác	4,71%	1,04%	47,69%
	100,00%	100,00%	100,00%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	95.219.987.687	55.189.595.137	73.076.049.751
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	7.687.185,60	5.039.512,17	6.504.673,80
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	12.387	10.951	11.234
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	12.387	11.307	11.234
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	10.478	10.267	10.000
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	13,11%	3,71%	18,51%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	65,74%	19,66%	
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	700	Không áp dụng
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	700	Không áp dụng
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	06 tháng 04 năm 2015	Không phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	3,07%	2,48%	2,51%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	141,26%	171,78%	95,90%

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	13,11%	13,11%
2 năm đến thời điểm báo cáo	16,49%	8,31%

2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	13,11%	3,71%	18,51%

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Tình hình kinh tế vĩ mô

Năm 2016, tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp ảnh hưởng từ những biến động tại các nền kinh tế lớn. IMF dự báo GDP của thế giới 2016 sẽ tăng trưởng ở mức 3,1%, thấp hơn năm 2015 và có thể hồi phục ở mức 3,4% vào năm 2017. Tăng trưởng tại các khu vực kinh tế vẫn không đồng đều và chưa ổn định.

Chỉ số lạm phát của Thế giới đang giữ ở mức trên 3%/năm và dự báo có xu hướng tăng trong thời gian tới, tiến tới gần 4%.

Tỷ lệ thất nghiệp đang ổn định ở mức thấp dưới 6% năm. Tại các khu vực kinh tế trên Thế giới, tỷ lệ thất nghiệp giảm dần qua các năm.

(Nguồn: <http://www.imf.org>)

Trong năm 2016 diễn ra hàng loạt các chấn động lớn tại các nền kinh tế phát triển:

- Brexit: Giá trị đồng bảng Anh thấp kỉ lục trong 31 năm dẫn đến nguy cơ tan rã của khu vực Euro zone, làm đình trệ nhiều hoạt động đầu tư tại Châu Âu.
- Bầu cử tổng thống Mỹ: Chính phủ mới của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump đem lại hy vọng cho các nhà đầu tư Mỹ với nhiều biện pháp hỗ trợ, bảo hộ doanh nghiệp Mỹ nhanh chóng khiến các thị trường tại Mỹ tăng điểm. Tuy nhiên, việc Tổng thống Trump đắc cử đồng nghĩa với việc loại bỏ hàng loạt chính sách hợp tác với thế giới của Tổng thống Barack Obama
- Bất ổn tại các quốc gia Châu Âu: Kết quả trưng cầu dân ý tại Ý khiến giá trị đồng euro bị sụt giá mạnh, ảnh hưởng đến tâm lý các nhà đầu tư vào Ý và Châu Âu

Bên cạnh đó, bầu cử Tổng thống Pháp 2017 cũng được xem là một sự kiện lớn có khả năng gây ảnh hưởng đến Châu Âu giai đoạn tới

Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam

- Chỉ số VN-Index tăng 14,7% so với năm 2015
- Chỉ số HNX index giảm 0,21% so với năm 2015
- Chỉ số UPCOM tăng gần 2,81%
- Vốn hóa thị trường: 83,8 tỷ USD
- Số mã niêm yết: 1.102 (tăng 160 mã so với năm 2015)

Thị trường chứng khoán tích cực vào đầu năm, rủi ro vào cuối năm:

- Tháng 1/2016 –Tháng 7/2016: Thị trường giảm đầu năm do giá dầu lao dốc về đáy 13 năm, kéo theo ngành dầu khí giảm mạnh, sau đó thị trường tăng mạnh trở lại khi giá dầu phục hồi mạnh mẽ, các doanh nghiệp nói room ngoại, đà tăng của thị trường được kéo dài nhờ triển vọng tích cực của ngành xây dựng và vật liệu, nổi bật là ngành thép, đá, gạch... Chính sách tiền tệ nới lỏng của NHNN cũng khiến dòng tiền đổ mạnh vào TTCK, làm thị trường tăng điểm trên diện rộng
- Tháng 7/2016 – Tháng 10/2016, thị trường liên tục tăng/ giảm bởi rất nhiều yếu tố nhiễu loạn liên quan đến sự cố VIC, TTF, DRH, MTM... thay đổi bước giá, sự xuất hiện của cổ phiếu ROS, kế hoạch thoái vốn của SCIC
- Tháng 10/2016 - Tháng 12/2016, Thị trường điều chỉnh giảm sau giai đoạn tăng trưởng cao, dòng tiền chảy vào cổ phiếu OTC sắp niêm yết, hàng loạt cổ phiếu lớn lên sàn, thu hút rất lớn lượng tiền tham gia, trong khi các mã đang niêm yết trên sàn giảm điểm, giảm thanh khoản.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam (tiếp theo)

Thị trường chứng khoán tích cực vào đầu năm, rủi ro vào cuối năm:

Trong đó, cổ phiếu ROS đóng góp 21,69 điểm, SAB đóng góp 19,87. Nếu bỏ ROS khỏi rổ tính chỉ số thì VN-Index tăng 11,08%; Nếu bỏ cả ROS và SAB ra khỏi rổ tính chỉ số thì VN-Index tăng 7,65%

Hoạt động của khối ngoại ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường chứng khoán Việt Nam :
Hoạt động của khối ngoại năm 2016 ảnh hưởng khá tiêu cực đến thị trường chứng khoán. Tính đến tháng 12/2016, khối ngoại đã bán ròng 7.762 tỷ, trong khi năm 2015 mua ròng 2.929 tỷ. Đây là năm đầu tiên bán ròng sau 15 liên tiếp khối ngoại mua ròng trên TTCK VN.

Khối ngoại gần như bán ròng phần lớn các tháng trong năm, đặc biệt là các tháng cuối năm do áp lực từ chính sách nâng lãi suất của FED, lo ngại xu hướng tỷ giá có nhiều dấu hiệu gia tăng, các quỹ ETFs bị rút ròng do kém hiệu quả.

Các mã khối ngoại tập trung bán ròng chủ yếu: VIC, HAG, PVD, HPG... Trong khi đó mua ròng mạnh tập trung vào các mã MBB, CII, PVT, SSI

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	2 năm đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	65,74%	40,83%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	87,62%	6,74%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	13,11%	16,49%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	13,11%	8,31%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 2 năm gần nhất:

Thống kê NAV



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	95.219.987.687	55.189.595.137	72,53%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.387	10.951	13,11%

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	155	181.889,86	2,37%
Từ 5.000 đến 10.000	14	116.767,40	1,52%
Từ 10.000 đến 50.000	28	748.649,25	9,74%
Từ 50.000 đến 500.000	22	2.655.960,84	34,55%
Trên 500.000	4	3.983.918,25	51,82%
	223	7.687.185,60	100,00%

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Triển vọng 2017 dưới góc nhìn chu kỳ:

- ▶ Nền kinh tế Việt Nam có khả năng sẽ bước vào giai đoạn tăng trưởng cuối của chu kỳ kinh tế kéo dài từ 2012 đến 2017. Đặc điểm của giai đoạn này là rủi ro lạm phát, lãi suất và tỷ giá đều khá lớn.
- ▶ Do thị trường chứng khoán phản ánh trước các biến số vĩ mô vì vậy có khả năng thị trường chứng khoán sẽ tạo đỉnh dài hạn trong năm 2017.
- ▶ Chiến lược đầu tư: thận trọng, giao dịch khối lượng lớn vào những cơ hội đầu tư thực sự rõ nét.
- ▶ Chuẩn bị chiến lược phòng ngừa rủi ro: cắt lỗ hoặc ngừng giải ngân khi có những biến cố lớn xảy ra.

6. THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý Quỹ

Ông Nguyễn Đức Hải

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách
Đầu tư

Ông Hải có 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán tại Việt Nam. Ông Hải gia nhập MB Capital vào năm 2007 ở vị trí chuyên viên phân tích. Sau đó năm 2009 ông đảm nhiệm vị trí Phó phòng Quản lý Danh mục đầu tư chịu trách nhiệm hỗ trợ, giám sát phê duyệt các kiến nghị đầu tư của đội ngũ phân tích. Năm 2011, ông chính thức giữ vai trò Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư phụ trách một số danh mục và Quỹ đầu tư cho Nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế của Hanoi School of Business, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ông Ngô Long Giang

Giám đốc Đầu tư

Trước khi gia nhập MB Capital năm 2010, Ông Ngô Long Giang có gần 10 năm học tập và làm việc tại Mỹ. Ông từng làm Chuyên gia tư vấn tài chính tại công ty Wells Fargo, một trong những công ty tài chính lớn nhất của Mỹ, chuyên tư vấn về kế hoạch tài chính, chiến lược tài chính, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản cho các cá nhân và doanh nhân. Ông Giang tốt nghiệp đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam) và có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường ĐH California (Mỹ).

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban điều hành Quỹ

Ông Phan Phương Anh

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Ông Phan Anh có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán và Đầu tư tại Việt Nam, và là một trong những thành viên sáng lập Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB. Trước khi thành lập MB Capital, ông Phan Anh từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Quân đội như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối, Thành viên Ủy ban ALCO.

Dưới sự điều hành của Ông, kể từ khi thành lập cho đến nay MB Capital đã trở thành một trong những công ty quản lý Quỹ hoạt động tích cực nhất trên thị trường Việt Nam. Năm 2006, MB Capital đã thành công trong việc thành lập một trong những quỹ thành viên đầu tiên cho Nhà tổ chức trong nước. Năm 2010, MB Capital đã hợp tác với các nhà đầu tư Nhật Bản thành lập 2 quỹ đầu tư chuyên biệt. Và đầu năm 2013, MB Capital đã ra đời Quỹ mở đầu tư trái phiếu (MBBF) đầu tiên tại Việt Nam.

Ông Nguyễn Đức Hải

Phó Tổng Giám đốc

Ông Hải có 12 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải là Chuyên viên phân tích tài chính tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11/2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

Bà Trương Thị Hương Trà

Phó Tổng Giám đốc

Bà Trương Thị Hương Trà có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán. Bà Trà làm việc tại Ngân hàng Quân đội từ năm 1998 và gia nhập MB Capital từ năm 2006 với vai trò Giám đốc Phát triển Kinh doanh và sau đó là Giám đốc Dịch vụ khách hàng. Bà Trà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của MB Capital từ tháng 04/2016. Bà Trà có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar, Mỹ.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban đại diện Quỹ

Ông Lương Văn Trung

Luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC

Chủ tịch Ban đại diện

Ông Lương Văn Trung có hơn 19 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn luật và quản lý quỹ đầu tư. Ông Trung từng là thành viên và là Luật sư quản lý của Bross & Partner văn phòng chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng phòng Pháp lý công ty British America Tobacco (Vietnam), Luật sư và Giám đốc phụ trách tuân thủ công ty Manulife Vietnam và Công ty Quản lý Quỹ Manulife Vietnam, Trưởng Đại diện và Giám đốc Pháp lý của Công ty Saigon Asset Management (SAM). Từ 04/2016, ông Trung là luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC.

Ông Lương Văn Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Pháp luật kinh tế năm 1998, và trường College of Law (Vương quốc Anh) chuyên ngành Luật năm 2005.

Ông Hiroshi Hiramoto

Quản lý cấp cao, Phòng điều hành hoạt động kinh doanh nước ngoài, Công ty Kokusai Kogyo, Nhật Bản

Thành viên Ban đại diện

Ông Hiramoto Hiroshi có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán tại Nhật Bản. Ông từng giữ nhiều trọng trách tại các công ty chứng khoán lớn của Nhật Bản như: Trưởng phòng kế hoạch, khảo sát và ứng dụng sản phẩm, Phó phòng Quản lý Quỹ đầu tư của công ty Chứng khoán Tokyo, Trưởng phòng phát triển sản phẩm dịch vụ, ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc bộ phận kế hoạch và kinh doanh chứng khoán của công ty Chứng khoán Japan Asia, Cố vấn cấp cao và Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Nhật Bản (Việt Nam), Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Kế hoạch và Kinh doanh, Công ty chứng khoán Japan Asia (Nhật Bản). Ông Hiramoto hiện là Quản lý cấp cao, Phòng điều hành hoạt động kinh doanh nước ngoài, Công ty Kokusai Kogyo – công ty con của Tập đoàn Japan Asia (Nhật Bản).

Ông Hiramoto tốt nghiệp Kỹ sư công nghệ (1979) và Thạc sỹ Công nghệ (1981) trường Đại học Tổng hợp Hiroshima. Ông đã có chứng chỉ Môi giới chứng khoán, chứng chỉ kiểm soát nội bộ, chứng chỉ hoạch định tài chính do Ủy Ban Chứng khoán Nhật Bản cấp. Ông cũng đạt Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính do Ủy ban Chứng khoán nhà nước Việt Nam cấp năm 2011.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban đại diện Quỹ (tiếp theo)

Bà Lê Hoàng Yến

Trưởng phòng phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn- Công ty NTT Việt Nam

Thành viên Ban Đại diện

Bà Lê Hoàng Yến có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Lê Hoàng Yến đã từng có thời gian làm việc tại ngân hàng VP bank và công tác tại phòng Tài chính, Kế toán và phòng Treasury của Ngân hàng ING (Hà Lan). Bà Yến hiện đang phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn tại Công ty NTT Việt Nam (là một công ty thuộc tập đoàn NTT của Nhật Bản). Bà Yến đã trở thành thành viên của Hiệp hội kế toán Anh (ACCA) vào tháng 3 năm 2012.

Ông Đoàn Phong Quang

Phó Tổng Giám đốc, Công ty Bảo hiểm Quân đội

Thành viên Ban đại diện

Ông Đoàn Phong Quang hiện là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC). Trước khi gia nhập MIC, ông Đoàn Phong Quang từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ông Quang được bầu làm thành viên Ban đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital từ tháng 4/2016.



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Giá Trị MB Capital ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ("Thông tư 15") sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ quy định: "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ". Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá trong tháng 1, tháng 2, tháng 4, tháng 5, tháng 7, tháng 8, tháng 9 và kỳ định giá ngày 01 tháng 12 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư, Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp và Quỹ cũng thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán trong danh mục đầu tư. Công ty quản lý quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại danh mục đầu tư điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cơ cấu đầu tư của quỹ đã tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ quỹ.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Hà nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hùng, Mễ Trì Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000
Fax : (84 4) 3837 8356
Swift: SCBLNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61020402/18750978-MBVF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ"), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2017 và được trình bày từ trang 16 đến trang 54, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2847-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO THU NHẬP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		13.312.153.602	6.415.355.140
2	1.1. Cổ tức được chia		2.103.079.200	3.497.663.000
3	1.2. Tiền lãi được nhận		1.221.363.202	1.474.293.940
4	1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	9.654.951.055	4.780.707.719
5	1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	332.760.145	(3.337.309.519)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		318.857.308	423.597.591
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	318.857.308	423.597.591
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.064.578.832	2.037.982.687
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở		1.162.970.137	1.239.814.751
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		171.658.323	168.441.960
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		152.935.482	57.640.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở		198.000.000	164.560.001
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		105.600.000	105.600.000
20.8	3.6. Chi phí kiểm toán		48.400.000	36.300.000
	3.7. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ		194.735.483	238.925.226
20.10	3.8. Chi phí hoạt động khác	8	30.279.407	26.700.749
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		10.928.717.462	3.953.774.862
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		10.928.717.462	3.953.774.862
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		10.595.957.317	7.291.084.381
32	6.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		332.760.145	(3.337.309.519)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		10.928.717.462	3.953.774.862

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	43.829.446.298	28.139.070.433
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		14.329.446.298	6.139.070.433
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		29.500.000.000	22.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	51.237.504.200	28.333.765.000
121	2.1 Các khoản đầu tư		51.237.504.200	28.333.765.000
130	3. Các khoản phải thu	11	4.697.851.062	594.002.319
131	3.1 Phải thu bán cổ phiếu		3.867.259.396	-
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		830.591.666	594.002.319
136	3.2.1. Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận		830.591.666	594.002.319
100	TỔNG TÀI SẢN		99.764.801.560	57.066.837.752
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	12	4.286.924.757	1.654.707.107
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.568.010	-
315	5. Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư		-	105.500
316	3. Chi phí phải trả	13	87.400.000	93.300.000
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	14	168.921.106	129.130.008
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		4.544.813.873	1.877.242.615
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		95.219.987.687	55.189.595.137
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư	15	76.871.856.000	50.395.121.700
412	1.1 Vốn góp phát hành		224.662.491.300	138.521.549.900
413	1.2 Vốn góp mua lại		(147.790.635.300)	(88.126.428.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		996.060.194	(1.628.880.594)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	17.352.071.493	6.423.354.031
	Lợi nhuận đã thực hiện		18.144.443.566	7.548.486.249
	Lợi nhuận chưa thực hiện		(792.372.073)	(1.125.132.218)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		12.387	10.951

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		4.515.227.682	4.515.227.682
	1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm		-	4.515.227.682
	2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế kể từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo		4.515.227.682	4.515.227.682

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: chứng chỉ quỹ

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	7.687.185,60	5.039.512,17

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

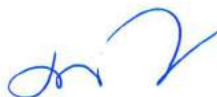
STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2015
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	55.189.595.137	73.076.049.751
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	10.928.717.462	(561.452.820)
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong năm	10.928.717.462	3.953.774.862
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm	-	(4.515.227.682)
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	29.101.675.088	(17.325.001.794)
1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	99.499.950.000	66.065.791.367
2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(70.398.274.912)	(83.390.793.161)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối năm	95.219.987.687	55.189.595.137

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng cổ phần	Giá thị trường VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ/Tổng giá trị tài sản hiện tại
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT				
1	Công ty Cổ Phần Gas Petrolimex	375.632	12.900	4.845.652.800	4,86%
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	837.900	9.900	8.295.210.000	8,31%
3	Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam	446.567	11.700	5.224.833.900	5,24%
4	Công ty Cổ phần FPT	6	44.000	264.000	0,00%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	4.130	17.600	72.688.000	0,07%
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	217.541	12.500	2.719.262.500	2,73%
7	Tổng CTCP May Việt Tiến	120.100	63.900	7.674.390.000	7,69%
8	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	137.900	21.200	2.923.480.000	2,93%
9	CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	50.000	47.200	2.360.000.000	2,37%
10	Công ty cổ phần FECON	186.520	19.100	3.562.532.000	3,57%
11	Công ty cổ phần phát triển đô thị Từ Liêm	422.780	9.400	3.974.132.000	3,98%
12	CTCP PVI	134.700	25.000	3.367.500.000	3,38%
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	419.790	9.100	3.820.089.000	3,83%
14	CTCP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	102.020	23.500	2.397.470.000	2,40%
		3.455.586		51.237.504.200	51,36%
IV	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Dự thu cổ tức được nhận			749.500.000	0,75%
2	Dự thu lãi tiền gửi được nhận			81.091.666	0,08%
3	Phải thu bán cổ phiếu			3.867.259.396	3,88%
				4.697.851.062	4,71%
V	TIỀN				
1	Tiền gửi không kỳ hạn			14.329.446.298	14,36%
2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng			29.500.000.000	29,57%
				43.829.446.298	43,93%
VI	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			99.764.801.560	100%

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(118.488.694.000)	(154.292.851.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		91.049.359.800	165.521.930.600
03	3. Cổ tức đã nhận		1.888.772.071	3.248.188.359
04	4. Tiền lãi đã thu		1.198.941.855	1.547.022.232
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(2.030.548.605)	(2.049.607.324)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)		(310.674.054)	(434.530.761)
09	7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		13.280.672.450	-
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		(591.250)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.412.761.733)	13.540.152.106
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ mở		100.505.000.000	66.729.611.367
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ mở		(70.365.328.693)	(83.345.282.142)
	3. Tiền chi thanh toán phí phát hành, phí mua lại, thuế liên quan đến giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ		(1.036.428.209)	(709.331.019)
25	4. Thu nhập trả cho Nhà đầu tư		(105.500)	(4.515.122.182)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		29.103.137.598	(21.840.123.976)
40	III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		15.690.375.865	(8.299.971.870)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		28.139.070.433	36.439.042.303
51	1. Tiền gửi ngân hàng đầu năm		28.139.070.433	36.439.042.303
52	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		28.139.070.433	36.439.042.303

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	9	43.829.446.298	28.139.070.433
56	1. Tiền gửi ngân hàng cuối năm		43.829.446.298	28.139.070.433
57	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		43.829.446.298	28.139.070.433
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		15.690.375.865	(8.299.971.870)

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2016.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 76.871.856.000 VND, tương đương với 7.687.185,60 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 50.395.121.700 VND, tương đương với 5.039.512,17 chứng chỉ quỹ). Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 95.219.987.687 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 55.189.595.137 VND)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào thứ năm hàng tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng/quý/năm theo luật định.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch định kỳ vào ngày thứ năm tuần thứ hai và tuần thứ tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì được chuyển sang ngày thứ năm kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày thứ năm kế tiếp vẫn là nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- ▶ Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản sau được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng:
 - ✓ Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
 - ✓ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản;
 - ✓ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - ✓ Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- ▶ Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán* (tiếp theo)

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 *Tuân thủ*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

3.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

4.2 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và các công cụ nợ khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý, các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183 và Thông tư số 15 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay Định giá như sau:

- ▶ *Tiền (VND)*: là số dư tiền gửi tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Ngoại tệ*: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Tiền gửi có kỳ hạn* là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu*: giá được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Đối với các công cụ không trả lãi*:
 - i. Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
 - ii. Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
- ▶ *Trái phiếu*:
 - i. Trái phiếu niêm yết: Giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);

 Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế;
 - ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
 - ii. Trái phiếu chưa niêm yết: Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

 Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

► Cổ phiếu

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Giá mua;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Giá mua;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:
 - ✓ Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
 - ✓ Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ thông qua.
- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Mệnh giá;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
- v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:
 - ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
- vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Giá mua/giá trị vốn góp;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

► *Chứng khoán phái sinh*

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
- *Quyền mua cổ phiếu:* Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

- *Các tài sản được phép đầu tư khác:* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

4.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.7 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

4.8 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.11 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quý phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Phí quản lý là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý được tính theo công thức như sau:

$\text{Phí quản lý} = 1,5\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

Phí giám sát và phí lưu ký

Phí giám sát và phí lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quý. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát và lưu ký được xác định như sau:

Nếu quy mô Quý dưới 600 tỷ đồng:

$\text{Phí lưu ký} = 0,06\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 *Chi phí* (tiếp theo)

Phí giám sát và phí lưu ký (tiếp theo)

Nếu quy mô Quỹ trên 600 tỷ đồng:

Phí lưu ký = 0,05% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí lưu ký tối thiểu: 10.000.000/một tháng không có thuế giá trị gia tăng.

Ngày 20 tháng 4 năm 2016, Đại hội Nhà đầu tư Quỹ đã phê duyệt mức phí giám sát của Quỹ như sau:

Trước ngày 04 tháng 05 năm 2016:

Phí giám sát = 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí giám sát tối thiểu: 5.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Sau ngày 04 tháng 05 năm 2016:

Phí giám sát = 0,035% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí giám sát tối thiểu: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.
Mức phí trên không bao gồm các phí thông thường khác như phí Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, phí sửa lệnh...

Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Trong kỳ có sự thay đổi mức phí quản trị của Quỹ. Sự thay đổi này đã được đại hội Nhà đầu tư thông qua vào ngày 20 tháng 04 năm 2016 như sau:

Trước ngày 04 tháng 05 năm 2016:

Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ = 0,035% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí quản trị Quỹ tối thiểu áp: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Sau ngày 04 tháng 05 năm 2016:

Phí quản trị quỹ = 0,045% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí quản trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phí định giá đột xuất theo yêu cầu : 10.750.000 VND/ lần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 *Chi phí* (tiếp theo)

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm phí cố định hàng tháng là 8.000.000 đồng/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; phí giao dịch đối với giao dịch từ số 401 trở đi trong ngày giao dịch bằng 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, phí kết nối, phí cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, phí thực hiện quyền được miễn. Mức phí trên chưa bao gồm các phí khác như phí gửi thư cho nhà đầu tư, phí cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

4.12 *Thuế*

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (năm 2015: 22%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.13 *Các bên liên quan*

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán trong năm 2016 VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán trong năm 2015 VND
Cổ phiếu niêm yết	108.202.510.000	98.547.558.945	9.654.951.055	4.780.707.719

6. CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho năm 2016 VND
Cổ phiếu niêm yết	52.029.876.273	51.237.504.200	(792.372.073)	(1.125.132.218)	332.760.145

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại trên cơ sở giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	176.443.713	202.299.469
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	142.413.595	221.298.122
	318.857.308	423.597.591

8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
Phí ngân hàng	19.333.407	16.700.749
Phí quản lý thường niên	10.000.000	10.000.000
Phí khác	946.000	-
	30.279.407	26.700.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	14.329.446.298	6.139.070.433
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	14.329.446.298	6.139.070.433
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống bằng VND (*)	29.500.000.000	22.000.000.000
	43.829.446.298	28.139.070.433

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn 1 tháng với lãi suất từ 5,20%/năm đến 5,30%/năm.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016				Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	
Cổ phiếu	52.029.876.273	51.237.504.200	(792.372.073)		29.458.897.218	28.333.765.000	(1.125.132.218)	
- Cổ phiếu niêm yết	52.029.876.273	51.237.504.200	(792.372.073)		29.458.897.218	28.333.765.000	(1.125.132.218)	
Tổng	52.029.876.273	51.237.504.200	(792.372.073)		29.458.897.218	28.333.765.000	(1.125.132.218)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải thu bán cổ phiếu	3.867.259.396	-
Dự thu cổ tức	749.500.000	535.332.000
Dự thu lãi tiền gửi	81.091.666	58.670.319
	4.697.851.062	594.002.319

12. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải trả tiền mua cổ phiếu	4.286.924.757	1.654.707.107
	4.286.924.757	1.654.707.107

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải trả kiểm toán	48.400.000	36.300.000
Phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ	39.000.000	57.000.000
	87.400.000	93.300.000

14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải trả phí quản lý	96.686.106	69.530.008
Phải trả phí lưu ký	10.000.000	10.000.000
Phải trả phí giám sát	16.500.000	5.500.000
Phải trả phí quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	26.400.000	26.400.000
Phải trả phí giao dịch	2.835.000	1.200.000
	168.921.106	129.130.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Lợi nhuận đã thực hiện VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	4.772.629.550	2.212.177.301	6.984.806.851
Phát sinh trong năm	7.291.084.381	(3.337.309.519)	3.953.774.862
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	(4.515.227.682)	-	(4.515.227.682)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.548.486.249	(1.125.132.218)	6.423.354.031
Phát sinh trong năm	10.595.957.317	332.760.145	10.928.717.462
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	18.144.443.566	(792.372.073)	17.352.071.493

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Năm 2016						Năm 2015				
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm)		Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng VND	Tăng/(giảm)	
				Giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND	giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND				Giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND	giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND
22	01/05/2016	82.414.636.419	7.286.929,36	11.310	41	01/05/2015	67.407.707.969	6.451.144,37	10.449	-
23	05/05/2016	81.887.789.343	7.286.929,36	11.238	(72)	07/05/2015	66.460.733.583	6.451.144,37	10.302	(147)
24	12/05/2016	81.932.808.892	7.286.929,36	11.244	6	14/05/2015	66.755.018.617	6.451.144,37	10.348	46
25	19/05/2016	82.598.047.566	7.253.226,94	11.388	144	21/05/2015	82.658.155.222	7.900.032,84	10.463	115
26	26/05/2016	82.321.908.734	7.253.226,94	11.350	(38)	28/05/2015	83.027.129.238	7.900.032,84	10.510	47
27	01/06/2016	82.642.240.409	7.253.226,94	11.394	44	01/06/2015	97.288.221.431	9.266.157,42	10.499	(11)
28	02/06/2016	82.595.557.034	7.253.226,94	11.387	(7)	04/06/2015	97.782.315.037	9.266.157,42	10.553	54
29	09/06/2016	83.306.848.245	7.253.226,94	11.485	98	11/06/2015	97.679.036.015	9.266.157,42	10.541	(12)
30	16/06/2016	86.183.614.302	7.449.897,46	11.568	83	18/06/2015	108.338.843.927	10.268.272,19	10.551	10
31	23/06/2016	86.506.651.296	7.449.897,46	11.612	44	25/06/2015	108.186.884.766	10.268.272,19	10.536	(15)
32	30/06/2016	86.465.711.530	7.473.899,94	11.569	(43)	01/07/2015	108.347.389.613	10.274.849,63	10.545	9
33	01/07/2016	87.071.134.176	7.473.899,94	11.650	81	02/07/2015	108.536.702.040	10.274.849,63	10.563	18
34	07/07/2016	87.039.757.020	7.473.899,94	11.646	(4)	09/07/2015	108.196.702.153	10.274.849,63	10.530	(33)
35	14/07/2016	87.224.489.162	7.473.899,94	11.671	25	16/07/2015	114.717.778.937	10.816.029,44	10.606	76
36	21/07/2016	87.118.456.494	7.489.745,91	11.632	(39)	23/07/2015	114.931.444.572	10.816.029,44	10.626	20
37	28/07/2016	86.610.743.527	7.489.745,91	11.564	(68)	30/07/2015	114.385.540.257	10.813.833,86	10.578	(48)
38	01/08/2016	84.806.498.158	7.338.041,72	11.557	(7)	01/08/2015	114.927.017.988	10.813.833,86	10.628	50
39	04/08/2016	84.030.406.209	7.338.041,72	11.451	(106)	06/08/2015	116.088.190.109	10.813.833,86	10.735	107
40	11/08/2016	84.479.440.650	7.338.041,72	11.513	62	13/08/2015	115.253.772.490	10.813.833,86	10.658	(77)
41	18/08/2016	83.794.016.440	7.224.743,42	11.598	85	20/08/2015	113.683.052.651	10.812.885,50	10.514	(144)
42	25/08/2016	83.507.533.210	7.224.743,42	11.559	(39)	27/08/2015	112.069.387.828	10.812.885,50	10.364	(150)
43	01/09/2016	87.253.380.287	7.398.179,54	11.794	235	01/09/2015	112.096.188.437	10.752.554,33	10.425	61
44	08/09/2016	87.936.238.278	7.398.179,54	11.886	92	03/09/2015	112.002.288.781	10.752.554,33	10.416	(9)
45	15/09/2016	85.768.276.678	7.239.706,66	11.847	(39)	10/09/2015	111.908.178.693	10.752.554,33	10.408	(8)
46	22/09/2016	85.856.247.839	7.239.706,66	11.859	12	17/09/2015	111.734.355.012	10.752.554,33	10.391	(17)

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Năm 2016				Năm 2015			
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ
47	29/09/2016	85.362.684.907	7.039.116,40	12.127	24/09/2015	113.306.262.424	10.752.554,33
48	01/10/2016	85.094.908.142	7.039.116,40	12.089	01/10/2015	112.431.701.081	10.632.723,20
49	06/10/2016	86.629.871.888	7.039.116,40	12.307	08/10/2015	113.732.845.665	10.632.723,20
50	13/10/2016	85.756.869.845	7.039.116,40	12.183	15/10/2015	78.403.235.785	7.150.534,79
51	20/10/2016	92.454.733.985	7.599.997,57	12.165	22/10/2015	78.658.602.536	7.150.534,79
52	27/10/2016	91.755.510.961	7.599.997,57	12.073	29/10/2015	53.323.318.807	4.851.550,85
53	01/11/2016	89.976.953.138	7.403.534,25	12.153	01/11/2015	53.582.998.176	4.851.550,85
54	03/11/2016	89.843.338.386	7.403.534,25	12.135	05/11/2015	53.240.984.705	4.851.550,85
55	10/11/2016	89.147.575.345	7.403.534,25	12.041	12/11/2015	52.893.703.071	4.851.550,85
56	17/11/2016	90.304.303.370	7.326.154,59	12.326	19/11/2015	52.163.355.357	4.856.699,39
57	24/11/2016	90.096.562.982	7.326.154,59	12.298	26/11/2015	52.908.912.337	4.856.699,39
58	01/12/2016	65.206.078.000	5.337.832,36	12.216	01/12/2015	54.961.585.951	5.033.144,45
60	08/12/2016	63.871.545.108	5.337.832,36	11.966	03/12/2015	54.555.733.048	5.033.144,45
59	15/12/2016	69.162.807.882	5.809.604,57	11.905	10/12/2015	54.775.586.803	5.033.144,45
61	22/12/2016	69.979.216.978	5.809.604,57	12.045	17/12/2015	54.410.316.484	5.039.512,17
62	29/12/2016	93.067.387.181	7.687.185,60	12.107	24/12/2015	54.451.539.320	5.039.512,17
63	01/01/2017	95.219.987.687	7.687.185,60	12.387	31/12/2015	54.496.508.533	5.039.512,17
64					01/01/2016	55.189.595.137	5.039.512,17
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm							
							82.195.413.444

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

-	Mức cao nhất trong năm (VND)	285
-	Mức thấp nhất trong năm (VND)	4

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Chứng chỉ quỹ
Số lượng	7.687.185,60	5.039.512,17
	7.687.185,60	5.039.512,17

19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

19.1 Các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý	1.162.970.137	1.239.814.751

Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý phải trả	96.686.106	69.530.008

ii) Phụ cấp cho Ban đại diện Quỹ

Ban đại diện Quỹ được nhận thù lao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 180.035.483 VND. Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quỹ còn phải trả Ban đại diện khoản thù lao quý IV năm 2016 là 39.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.1 Các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Ngân hàng TMCP Quân đội

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập lãi tiền gửi	387.477.391	79.358.524

Không có số dư trọng yếu nào với Ngân hàng TMCP Quân đội tại ngày kết thúc năm tài chính.

iv) Công ty Cổ phần Chứng khoán MB – Nhà đầu tư

Phí môi giới chứng khoán phát sinh trong năm của Quỹ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán MB là 39.482.728 đồng Việt Nam.

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Các giao dịch trọng yếu trong năm được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Phí giám sát	152.935.482	57.640.000
		Phí lưu ký	155.265.000	151.600.000
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ	198.000.000	164.560.001
		Phí dịch vụ ngân hàng khác	20.279.407	16.700.749

Số dư trọng yếu tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	14.329.446.298	6.139.070.433
		Phí lưu ký phải trả	10.000.000	10.000.000
		Phí giám sát phải trả	16.500.000	5.500.000
		Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải trả	26.400.000	26.400.000
		Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	16.500.000	16.500.000
		Phí giao dịch chứng khoán phải trả	2.835.000	1.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của quỹ. Nợ phải trả tài chính của quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 51.237.504.200 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm (5.123.750.420) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 5.123.750.420 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	4.286.924.757	-	-	-	4.286.924.757
Chi phí phải trả	-	87.400.000	-	-	-	87.400.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	168.921.106	-	-	-	168.921.106
Phải trả thuế và phải nộp nhà nước	-	1.568.010	-	-	-	1.568.010
	-	4.544.813.873	-	-	-	4.544.813.873
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	1.654.707.107	-	-	-	1.654.707.107
Chi phí phải trả	-	93.300.000	-	-	-	93.300.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	129.130.008	-	-	-	129.130.008
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-	105.500	-	-	-	105.500
	-	1.877.242.615	-	-	-	1.877.242.615

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở theo quy định tại Thông tư số 198, Thông tư số 183 và Thông tư số 15.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

► ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

► ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:***

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ▶ ***Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:***
 - (i) Các tài sản tài chính mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.
- ▶ ***Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:***
 - (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ ***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***
Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phi phân bổ,***
bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	52.029.876.273	51.237.504.200	29.458.897.218	28.333.765.000
- Cổ phiếu niêm yết	52.029.876.273	51.237.504.200	29.458.897.218	28.333.765.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-
Tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu	48.527.297.360	48.527.297.360	28.733.072.752	28.733.072.752
- Tiền gửi không kỳ hạn	14.329.446.298	14.329.446.298	6.139.070.433	6.139.070.433
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	29.500.000.000	29.500.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
- Phải thu bán cổ phiếu	3.867.259.396	3.867.259.396	-	-
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	830.591.666	830.591.666	594.002.319	594.002.319
	100.557.173.633	99.764.801.560	58.191.969.970	57.066.837.752
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả tiền mua các khoản đầu tư	4.286.924.757	4.286.924.757	1.654.707.107	1.654.707.107
Chi phí phải trả	87.400.000	87.400.000	93.300.000	93.300.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	168.921.106	168.921.106	129.130.008	129.130.008
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.568.010	1.568.010	-	-
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-	-	105.500	105.500
	4.544.813.873	4.544.813.873	1.877.242.615	1.877.242.615

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá lại được trình bày tại Thuyết minh số 4.3 – Các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	1,50%	1,51%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,42%	0,27%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,39%	0,33%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,06%	0,04%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,23%	0,29%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	3,07%	2,48%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) / Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm/2	141,26%	171,78%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	50.395.121.700	65.046.728.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	5.039.512,17	6.504.672,80
2	Thay đổi quy mô quỹ trong năm		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong năm	8.614.094,14	6.228.582,19
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong năm (theo mệnh giá)	86.140.941.400	62.285.821.900
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm	(5.966.420,71)	(7.693.742,82)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(59.664.207.100)	(76.937.428.200)
3	Quy mô quỹ cuối năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	76.871.856.000	50.395.121.700
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	7.687.185,60	5.039.512,17
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối năm	37,17%	59,97%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	68,57%	95,43%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm	0,03%	0,04%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	223	135
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối năm	12.387	10.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 09 tháng 03 năm 2017